

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

LÊ HỒNG MẠNH

**KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NGOÀI ĐÊ SÔNG HỒNG
TỪ CÁCH TIẾP CẬN ĐỊA VĂN HÓA**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KIẾN TRÚC
MÃ SỐ: 9580101**

HÀ NỘI – 2023

Luận án được hoàn thành tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS.KTS Vương Hải Long.
2. TS.KTS Ngô Doãn Đức.

Phản biện 1: GS.TS. Doãn Minh Khôi

Phản biện 2: PGS.TS. Chế Đình Hoàng

Phản biện 3: PGS.TS. Ngô Kim Dung

Luận án này được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ
cấp trường tại: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Vào hồi:giờngày.....tháng.....năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện quốc gia

Thư viện Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sông Hồng chảy qua nhiều vùng địa hình tạo nên những khu vực có điều kiện địa lý và môi trường tự nhiên khác nhau, hệ thống đê sông Hồng ra đời để ứng phó với nước lũ sông Hồng hàng năm nhưng cũng tạo ra một khu vực có điều kiện tự nhiên khác biệt, dân cư dưới tác động của xã hội, kinh tế đã tụ cư lại trên các bãi sông lập lên các ĐDC có nhiều điểm khác biệt với các ĐDC khu vực ĐBHH. Khi công tác trị thủy sông Hồng được cải thiện, nhu cầu khai thác và phát triển kinh tế trên khu vực bãi sông được đẩy mạnh, tuy nhiên do là khu vực quản lý đặc thù nên các dự án thiếu hành lang pháp lý để triển khai, để tháo gỡ khó khăn đó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch điều chỉnh hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình” kèm theo Quyết định 257/QĐ- TTg ngày 18/2/2016 cho phép nghiên cứu xây dựng trên các bãi sông, đây là một cơ sở pháp lý quan trọng để nghiên cứu và phát triển kiến trúc cho khu vực này. Để có định hướng phát triển bền vững cho kiến trúc, việc nghiên cứu để tìm ra các đặc điểm của kiến trúc khu vực là điều cần thiết. Với các phương pháp nghiên cứu kiến trúc truyền thống thường tiếp cận ở góc độ hẹp do vậy kết quả chưa mang tính tổng quát. Phương pháp nghiên cứu từ cách tiếp cận ĐVH đặt kiến trúc của khu vực trong mối quan hệ của điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hóa do vậy kết quả mang tính tổng quát cao. Giúp có định hướng và giải pháp cho việc kế thừa và phát huy các đặc điểm của kiến trúc khu vực, đảm bảo sự đa dạng của kiến trúc trong điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hóa khác nhau.

Do đó, đề tài luận án là cần thiết để giải quyết các vấn đề nêu trên.

2. Mục đích nghiên cứu: Tìm ra các đặc điểm kiến trúc của các điểm dân cư truyền thống (DCTT) khu vực ngoài đê sông Hồng từ đó đề xuất giải pháp kiến trúc cho các điểm DC hiện hữu, điểm DC phát triển mới trên cơ sở từ cách tiếp cận Địa văn hóa (ĐVH).

3. Đối tượng nghiên cứu: Kiến trúc các điểm dân cư (DC) khu vực ngoài đê sông Hồng trong đó: Từ đặc điểm kiến trúc các điểm DCTT ngoài đê theo khu vực ĐVH, vận dụng vào các điểm DC mới để kế thừa và phát huy các đặc điểm đó.

4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu: Về thời gian nghiên cứu với các điểm DCTT ngoài đê lấy mốc 1986 trở về trước, với điểm DC còn lại đề xuất giải pháp kiến trúc tầm nhìn

đến năm 2050. Phạm vi nghiên cứu là khu vực ngoài đê sông Hồng qua 06 tỉnh bao gồm Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Thái Bình và Nam Định.

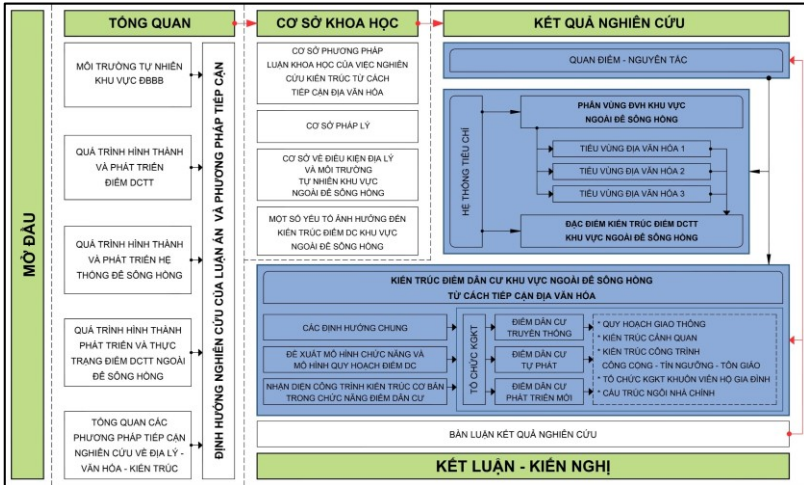
5. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp ĐVH, phương pháp khảo sát và đánh giá hiện trạng, phương pháp kế thừa, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp chuyên gia, phương pháp so sánh phân tích cấu trúc dựa trên bản đồ, phương pháp dự báo.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Xây dựng cơ sở cho việc phân vùng và nhận diện các yếu tố đặc trưng của khu vực ngoài đê sông khu vực đồng bằng Bắc bộ từ cách tiếp cận Địa văn hóa. Xây dựng các cơ sở lý luận cho mối quan hệ giữa điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hóa với kiến trúc, nhận diện các đặc điểm của kiến trúc dưới các ảnh hưởng và tác động đó. Bổ sung tính lý luận và phương pháp nghiên cứu kiến trúc từ cách tiếp cận Địa văn hóa trong việc cải tạo, chỉnh trang các điểm dân cư hiện hữu và định hướng tổ chức, thiết kế, xây dựng các điểm dân cư mới ngoài đê sông có vị trí tương ứng khu vực đồng bằng Bắc bộ.

7. Những đóng góp mới của luận án:

- Xác định các đặc trưng của môi trường Địa văn hóa và phân vùng các điểm dân cư ngoài đê sông Hồng theo đặc trưng Địa văn hóa.
- Xác định mối quan hệ giữa môi trường Địa văn hóa với kiến trúc điểm dân cư truyền thống và tìm ra các đặc điểm của kiến trúc dân cư truyền thống trong các khu vực Địa văn hóa tương ứng ngoài đê sông Hồng.
- Đề xuất quan điểm, nguyên tắc, đề xuất giải pháp kiến trúc cho việc cải tạo, chỉnh trang các điểm dân cư hiện hữu.
- Đề xuất mô hình chức năng, tổ chức không gian kiến trúc các điểm dân cư phát triển mới khu vực ngoài đê sông Hồng trên cơ sở kế thừa và phát huy các đặc điểm kiến trúc trong các khu vực Địa văn hóa.

8. Cấu trúc luận án: Sơ đồ nghiên cứu.



CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KIẾN TRÚC CÁC ĐIỂM DÂN CƯ KHU VỰC NGOÀI ĐỀ SÔNG HỒNG TỪ CÁCH TIẾP CẬN ĐỊA VĂN HÓA

1.1. Tổng quan về môi trường tự nhiên khu vực ĐBBB

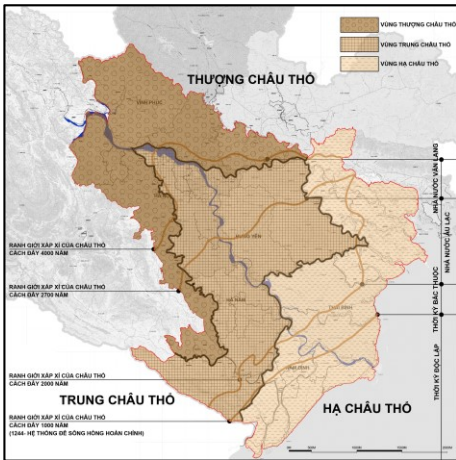
1.1.1. Vai trò của sông Hồng trong việc hình thành khu vực ĐBBB

Bắt nguồn từ vùng núi Vân Nam (Trung Quốc) sông có chiều dài 1149km, phân chảy vào trong đất Việt Nam là 510km, về đến ĐBBB sông Hồng có chiều dài hơn 200km rộng 2-3km vào mùa nước lũ, lượng nước trung bình là 114.000m³, lượng phù sa vận chuyển trung bình là 100 triệu tấn/năm. Theo quá trình hình thành và đặc điểm của địa hình, ĐBBB được chia thành 3 vùng địa lý đặc trưng: Vùng Thượng châu thổ, vùng Trung châu thổ và vùng Hạ châu thổ.

1.1.2. Điều kiện địa lý và môi trường tự nhiên khu vực đồng ĐBBB

- Vùng Thượng châu thổ: Sông Hồng có lòng sông rộng với các khúc quanh lớn hình thành các bãi sông có diện tích lớn. Khí hậu chịu ảnh hưởng của vùng núi phía Bắc và phía Tây của ĐBBB, nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C, lượng mưa trung bình năm 1500mm- 2000mm tập trung vào tháng 5, tuy nhiên do ảnh hưởng của các cơn giông nên mưa thường nặng hạt.
- Vùng Trung châu thổ: Qua khỏi khu vực Việt Trì, sông Hồng dồn phù sa cho “vùng trũng Hà Nội”, xuôi về Hưng Yên- Hà Nam phù sa trải ra trên một diện tích lớn nên cao độ đồng bằng chỉ 6-8m gần sông và 2-3m phía biển, địa hình hầu hết là đầm lầy với các

ô trùng Hà Nam- Nam Định. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,5°C, chênh lệch nhiệt độ lớn vào khoảng 14°C, lượng mưa trung bình năm là 1600mm- 1800mm.



Quá trình hình thành và đặc trưng địa hình vùng ĐBBS

- Vùng Hạ châu thổ: Đây là vùng phù sa trẻ, địa hình bao gồm các dãy “cồn cát duyên hải” chạy theo hướng Đông Bắc-Tây Nam bên trên có các ĐDCTT. Các bãi sông có chiều rộng khoảng 500-700m được chia cắt bởi hệ thống sông, kênh mương nhân tạo nổi từ trong đê ra, khu vực bị ảnh hưởng của thủy triều, cư dân phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, trồng cói. Khí hậu khu vực này mang tính chất khí hậu nhiệt đới đại dương với nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,5°C, lượng mưa trung bình năm là 1200mm-

2200mm, chịu ảnh hưởng của bão trung bình từ 6-10 cơn bão hàng năm.

1.2. Quá trình phát triển của các điểm DCTT và hệ thống đê sông Hồng

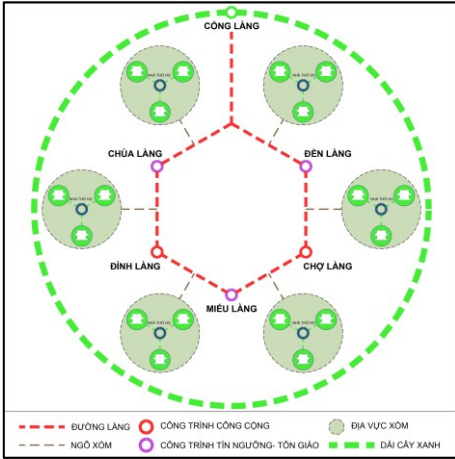
1.2.1. Tổng quan môi trường văn hóa và con người khu vực ĐBBS

- Con người: Có phẩm chất và tính cách: Thông minh, chăm chỉ, chịu gian khổ, tính cộng đồng cao, gắn kết trong khuôn khổ Hương ước, Lệ làng, lối tư duy tổng hợp, khái quát hóa các sự vật hiện tượng, tôn sùng các thể lực thiên nhiên, siêu nhiên, tính bảo thủ cao.
- Đặc trưng PTSX: Sản xuất nông nghiệp tập trung “thâm canh lúa nước”, phát triển các nghề thủ công truyền thống (mộc, gốm...).
- Đặc trưng tín ngưỡng- tôn giáo: Đa tín ngưỡng- tôn giáo (TN- TG) “đồng thuận và dung hợp”, đa dạng hóa, đa nguyên hóa.

1.2.2. Đặc điểm cấu trúc và kiến trúc của điểm DCTT khu vực ĐBBS

- Quy hoạch giao thông: Có 1 trục giao thông chính và các tuyến giao thông nhánh theo hình xương cá hoặc răng bừa tạo cấu trúc “đóng” cho điểm DC.
- Cây xanh nhiều tầng bậc, có tính biểu tượng, có nhiều mặt nước tự nhiên và nhân tạo hình thành do đặc điểm của điều kiện địa lý và quá trình cải tạo môi trường sống của cư

dân.



Cấu trúc cơ bản điểm DCTT vùng ĐBBS

- Kiến trúc công trình công cộng (CTCC) gồm nhiều thành phần như: Công làng, đình, giếng, chợ ngoài chức năng sử dụng còn có chức năng giao lưu văn hóa. Kiến trúc công trình TN- TG phản ánh tư duy “gốc nông nghiệp” trong cách tổ chức không gian thờ cúng.

- KGKT khuôn viên hộ gia đình: Là hệ sinh thái thu nhỏ mang đặc điểm của văn hóa “nông nghiệp” và tính cách của dân cư. Cấu trúc ngôi nhà chính có số gian lẻ, thể hiện sự gắn bó với Tổ tiên qua không

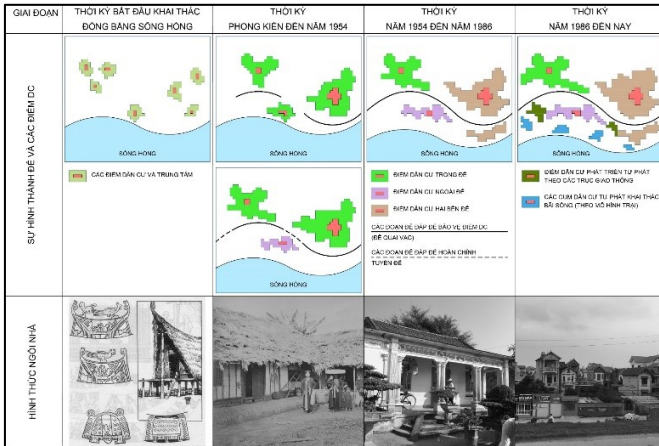
gian thờ cúng, hệ kết cấu và bao che tách rời dễ dàng di chuyển, hình thức mái có sự chuyên theo khu vực khu vực, các yếu tố trang trí mang tính triết lý và phản ánh khát vọng của cư dân.

1.2.3. Sự hình thành hệ thống đê sông Hồng trong lịch sử

Đê xuất hiện đầu tiên vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên tại huyện Phong Khê và Long Biên, trong lịch sử Việt Nam, đê được nói đến lần đầu tiên là vào khoảng năm 521 dưới thời Lý Bí. Tháng 3 năm 1108 vua Lý Nhân Tông cho đắp đê Cơ Xá để bảo vệ kinh thành Thăng Long khỏi nước lũ. Tháng 3 năm 1244 vua Trần Thái Tông sai đắp đê hai bên bờ sông Hồng từ đầu nguồn ra đến cửa biển, hệ thống đê sông Hồng hoàn chỉnh về cơ bản vào thời gian này, việc làm đó dẫn đến sông Hồng hung dữ hơn, phá vỡ đê và gây ngập lụt nhiều. Hệ thống đê hình thành tạo ra hai vùng khác nhau về điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội, khu vực trong đê phát triển “thâm canh lúa nước”, các nghề tiểu thủ công, các điểm DC phát triển với mật độ cao, là nơi hình thành và lưu giữ các đặc điểm văn hóa truyền thống, khu vực ngoài đê thường xuyên chịu sự tác động của dòng sông, đất đai phì nhiêu, nhưng có sự phân biệt đối xử của xã hội đã tạo ra khu vực tương đối biệt lập trong vùng ĐBBS.

1.3. Quá trình phát triển và thực trạng kiến trúc điểm DCTT ngoài đê sông Hồng

1.3.1. Quá trình phát triển các ĐDC TT khu vực ngoài đê sông Hồng



- Giai đoạn cư dân Việt cổ bắt đầu tiến trình khai thác vùng ĐBBB.
- Giai đoạn phong kiến đến trước năm 1954.
- Giai đoạn 1954-1986: Hợp tác xã nông nghiệp.
- Giai đoạn 1986-nay:

Quá trình phát triển đê sông Hồng và sự hình thành các ĐDC ngoài đê

1.3.2. Các dạng điểm DC khu vực ngoài đê sông Hồng

- **Điểm DCTT:** Đã có từ lâu đời hiện theo khảo sát trong khu vực nghiên cứu có 54 điểm DCTT với diện tích 3.223 ha, dân số khoảng 223.858 người. Qua các giai đoạn lịch sử cùng với sự thay đổi về điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên, con người, tín ngưỡng, tôn giáo đã tạo cho khu vực có sắc thái văn hóa riêng, các điểm DC với những tính chất đặc thù bao gồm: Theo vị trí trên bãi sông, ngành nghề kinh tế chủ đạo.
- **Điểm DC phát triển tự phát:** Theo các mô hình trại là nhóm nhỏ từ 4- 5 nhà để ở và trông coi cánh đồng. Giai đoạn 1954- 1986 không phát triển mới mà chỉ theo mô hình trại và các cụm dân cư (xóm) giãn dân, giai đoạn 1986 đến nay bãi sông được mở rộng tạo khu vực phát triển kinh tế nhưng các điểm DC chỉ là tự phát. Theo thống kê hiện tại khu vực ngoài đê sông Hồng có 56 điểm DC với diện tích khoảng 3.743ha và dân số là 165.480 người.

1.3.3. Thực trạng kiến trúc các điểm DC ngoài đê sông Hồng

- **Điểm DCTT:** Cấu trúc giao thông bị phá vỡ do việc phát triển và mở rộng các khu giãn dân, trang trại làm kinh tế, các tuyến giao thông nhánh được bê tông hóa nhưng không đồng bộ. Các bến sông mất chức năng do sự thay đổi về thói quen sử dụng phương tiện

di chuyển của cư dân. Cây xanh to, dải cây xanh ngăn lũ, cây xanh trong các ngõ xóm bị phá bỏ, thay thế, các đầm hồ sát chân đê mất kết nối với dòng sông, hệ thống ao, hồ, muông nước trong điểm DC bị sang lấp biến thành nơi chứa nước thải sinh hoạt và sản xuất gây ô nhiễm môi trường, không gian công cộng, TN- TG bị xâm lấn không còn giữ được vẻ đẹp truyền thống. Xu hướng bám sát ra mặt đường để phát triển dịch vụ- thương mại làm phá vỡ không gian cảnh quan khuôn viên và ngõ xóm, khuôn viên bị chia nhỏ, bố trí mặt bằng chuyển sang tập trung mất tương tác với không gian tự nhiên. Cấu trúc ngôi nhà chính thay thế bằng dạng nhà đô thị nhà ống, nhà chia lô.

- **Điểm DC tự phát:** Các điểm DC này phát triển với nhiều mô hình khác nhau như khu giãn dân, khu dịch vụ làng nghề, khu chuyên canh mô hình mới... nhưng hầu hết vẫn bám vào hệ thống hạ tầng đã có dẫn đến tình trạng đan xen của kiến trúc mới- kiến trúc cũ, quá tải về hạ tầng. Các tuyến giao thông là phần nối dài của ngõ xóm trong điểm DCTT nên chật hẹp và không đồng bộ, cảnh quan không được chú ý, các công trình hạ tầng xã hội vẫn sử dụng các công trình sẵn có, các cụm DC gắn với các dự án của địa phương thì cơ cấu không đồng bộ, khuôn viên theo dạng chia lô, mật độ xây dựng lớn, chức năng hợp khối và phát triển theo chiều cao, cây xanh, mặt nước bị thu hẹp mất tương tác giữa kiến trúc với môi trường tự nhiên.

1.4. Các nghiên cứu có liên quan đến khu vực

Chưa có một nghiên cứu nào mang tính tổng quát để thấy được tác động của điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và văn hóa của khu vực ngoài đê sông Hồng mà chỉ có các nghiên cứu về khu vực ĐBBB. Các nghiên cứu có đặc điểm sau:

- Phương pháp nghiên cứu: Tiếp cận ở chuyên ngành hẹp.
- Kết quả nghiên cứu: Kết quả chưa có tính bao quát hết được các đặc điểm của kiến trúc khu vực.

1.5. Định hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận

- Định hướng nghiên cứu: Nghiên cứu kiến trúc các điểm DCTT khu vực ngoài đê sông Hồng để tìm ra các đặc điểm từ đó đề xuất quan điểm, nguyên tắc, giải pháp kiến trúc cho các điểm DC hiện hữu và các điểm DC phát triển mới trên bãi sông phù hợp với môi trường ĐVH.

- Phương pháp tiếp cận: Kiến trúc gắn liền với điều kiện địa lý và môi trường tự nhiên (MTTN), nó phản ánh cách thức con người ứng xử với tự nhiên (cái có sẵn) và xã hội (do

con người tạo ra) do đó kiến trúc là những hiện tượng của văn hóa. Luận án chọn hướng nghiên cứu kiến trúc điểm DC khu vực ngoài đê sông Hồng từ cách tiếp cận ĐVH, đây là cách tiếp cận liên ngành từ các yếu tố điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên, con người (tính cách, lối sống, văn hóa ứng xử và các đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo). Xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố này với kiến trúc điểm DC, từ đó tìm ra được các đặc điểm ĐVH trong kiến trúc và xu hướng biến đổi của kiến trúc điểm DCTT khu vực ngoài đê sông Hồng để chuyển hóa vào các điểm DC phát triển mới một cách bền vững.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NGOÀI ĐÊ SÔNG HỒNG TỪ CÁCH TIẾP CẬN ĐỊA VĂN HÓA

2.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu kiến trúc từ cách tiếp cận ĐVH

2.1.1. Các yếu tố cấu thành cơ sở phương pháp nghiên cứu

- Yếu tố cấu thành phương pháp nghiên cứu: Điều kiện địa lý và môi trường tự nhiên (đặc điểm địa hình, khí hậu, tính chất thổ nhưỡng, nguồn tài nguyên tự nhiên). Đặc điểm văn hóa (đặc điểm dân cư, biểu hiện của văn hóa). Đặc điểm mỹ thuật (sử dụng hình tượng, biểu tượng trang trí, sử dụng màu sắc, chất liệu).
- Đối tượng nghiên cứu và phương pháp thực hiện: Đối tượng nghiên cứu (tổ chức giao thông, kiến trúc cảnh quan, kiến trúc CTCC, TN-TG, tổ chức KGKT khuôn viên hộ gia đình và cấu trúc ngôi nhà chính) của điểm DC. Sử dụng phương pháp khảo sát, đánh giá hiện trạng, phương pháp kế thừa, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp chuyên gia, phương pháp so sánh, phân tích cấu trúc dựa trên bản đồ.
- Kết quả nghiên cứu và phạm vi áp dụng các kết quả: Xác định được đặc điểm kiến trúc của điểm DC trong điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa cụ thể. Nhận biết được xu hướng biến đổi của kiến trúc dưới tác động của các điều kiện trên, xác định các vấn đề và thách thức đối với kiến trúc điểm DC từ đó đề xuất các quan điểm, nguyên tắc và giải pháp kiến trúc trong việc cải tạo, chỉnh trang và phát triển các điểm DC mới, đảm bảo tính đa dạng, phát triển bền vững của kiến trúc.

2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật

Luật quản lý đê điều, luật Kiến trúc, các Quy chuẩn xây dựng, các Nghị định, Thông tư và Quyết định, các Tiêu chí định hướng, các chương trình quy hoạch thủy lợi và phát triển dân cư 2 bên bờ sông Hồng.

- Tính toán quy mô và xác định tính chất các điểm DC trên bãi sông theo Quyết định

257/QĐ-TTg ngày 18/2/2016 của Thủ tướng chính phủ:

- Các điểm DC khu vực đô thị, nông thôn có dân số 8.000 người (1600hộ) \leq DS \leq 18.000 người (3600 hộ): Thuộc đơn vị hành chính cấp Phường, Xã.

- Các điểm DC khu vực đô thị có dân số 1.500 người (300 hộ) \leq DS \leq 8.000 người (1600 hộ): Thuộc đơn vị hành chính cấp Tổ dân phố (khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu), cấp Thôn.

- Các điểm DC có dân số DS \leq 1500 người (300 hộ): Khu DC phục vụ giãn dân và tái định cư từ các điểm DC hiện hữu.

| CÁC ĐIỂM DÂN CƯ PHÁT TRIỂN MỚI | | CÁC NHÓM CHỨC NĂNG CƠ BẢN TRONG ĐIỂM DÂN CƯ | | | | | |
|--|----------------------------|---|--------|---------------------------|------------|---------------------------------|--|
| | | ĐIỂM DÂN CƯ QUY MÔ LOẠI 1 | | ĐIỂM DÂN CƯ QUY MÔ LOẠI 2 | | ĐIỂM DÂN CƯ QUY MÔ LOẠI 3 | |
| | | CẤP PHƯỜNG | CẤP XÃ | CẤP TỔ DÂN PHỐ | CẤP THÔN | PHỤC VỤ GIẢN DÂN VÀ TÁI ĐỊNH CƯ | |
| QUY MÔ ĐIỂM DÂN CƯ | QUY MÔ DÂN SỐ | 8.000 < DS < 18.000 | | 1.500 < DS < 8.000 | | DS < 1.500 | |
| | SỐ HỘ DÂN | 1600 HỘ < DS < 3600 HỘ | | 300 HỘ < DS < 1800 HỘ | | DS < 300 HỘ | |
| CÁC CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ TRONG TRUNG TÂM | TRỤ SỞ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH | ● | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | NHÀ TRÉ | ● | ● | ● | ● | ○ | |
| | TRƯỜNG TIỂU HỌC | ● | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ | ● | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | TRAM Y TẾ | ● | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO | ● | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | CHỢ - TRUNG TÂM DỊCH VỤ | ● | ● | ● | ● | ○ | |
| | BƯU ĐIỆN | ○ | ● | ○ | ○ | ○ | |
| | GHI CHÚ | | ● CÓ | | ○ KHÔNG CÓ | | |

Quy mô điểm DC và các công trình chức năng

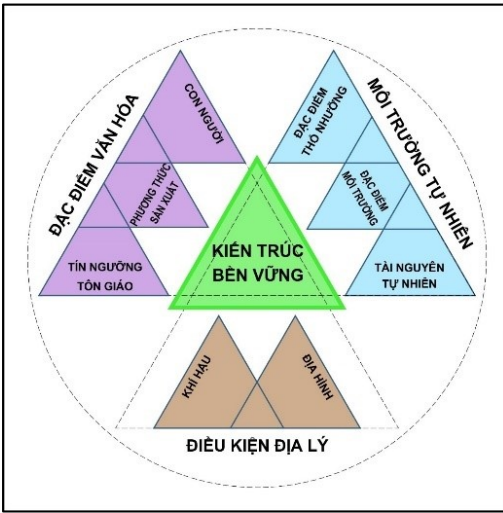
Như vậy theo tính toán sẽ có 03 quy mô và chức năng cho các điểm DC phát triển mới trên khu vực bãi sông được phép NCXD trong Quyết định 257/QĐ-TTg bao gồm:

- Điểm DC có quy mô loại 1: Cấp Phường, cấp Xã.
- Điểm DC có quy mô loại 2: Cấp Tổ dân phố, cấp Thôn.
- Điểm DC có quy mô loại 3: Phục vụ giãn dân và tái định cư tại chỗ.

2.3. Cơ sở về điều kiện địa lý và MTTN khu vực ngoài đê sông Hồng

- Môi trường địa lý khu vực ngoài đê sông Hồng: Đặc điểm về địa hình (các dạng bãi sông), đặc điểm khí hậu, điều kiện thổ nhưỡng, tài nguyên tự nhiên (tài nguyên nước, thủy sản, vị trí).
- Các tác động của sông Hồng (nước lũ, bồi lở).
- Các yêu cầu về quy hoạch thủy lợi trên bãi sông: Bãi có đê bồi và không đê bồi bảo vệ, các phân vùng trên bãi sông theo quy hoạch thủy lợi, cấu trúc và đặc điểm các bãi sông được phép NCXD.

2.4. Cơ sở về môi trường văn hóa khu vực ngoài đê sông Hồng



Kiến trúc bền vững từ cách tiếp cận ĐVH

- Biểu hiện của ĐVH trong kiến trúc ĐDCTT khu vực ngoài đê sông Hồng: Nhiều trục giao thông chính nối đê với sông, tuyến giao thông nhánh phụ thuộc độ rộng bãi sông kết hợp với đê bồi. Cây xanh mang biểu tượng ký hiệu, chống lũ và sạt lở, có tuyến kênh mương thoát lũ và tạo hệ sinh thái cho điểm DC. Công trình CC, TN- TG quay ra sông, thờ các nhân vật gắn với “văn hóa nước”. Khuôn viên nhà ở phát triển vào trong lõi khu đất, có kênh nước ngăn

cách đường với khuôn viên, bố cục công trình phân tán. Nhà chính quay ra đường, ra sông, có các giải pháp ứng phó và thích nghi với môi trường tự nhiên của khu vực.

2.6. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến trúc ĐDC ngoài đê sông Hồng

- Nhu cầu khai thác quỹ đất: Khu vực ngoài đê 2 bên bờ sông Hồng hiện có 50 bãi với tổng diện tích khoảng 20.350ha, đã khai thác 7.827ha, còn lại 12.523ha chưa được khai thác do tác động dòng sông. Điểm dân cư hiện hữu có 110 điểm (bao gồm cả điểm DCTT và điểm DC tự phát) với diện tích là 6.965ha và dân số là 389.338 người.
- Xu hướng phát triển mô hình chức năng điểm DC khu vực ngoài đê sông Hồng: Đặc điểm vị trí các bãi sông dựa trên vị trí, chức năng hiện trạng và ảnh hưởng lân cận (05 loại cơ bản). Các mô hình cho ĐDC xây dựng trên cơ sở chức năng bao gồm: Mô hình 1 (chức năng ở cao cấp biệt thự, nhà vườn), mô hình 2 (chức năng ở kết hợp với chức năng kinh tế đơn ngành), mô hình 3 (chức năng ở kết hợp với chức năng kinh tế đa ngành trong đó có chức năng chủ đạo).
- Ảnh hưởng của các yếu tố khác: Tác động biến đổi khí hậu (lượng mưa, nước biển dâng). Ảnh hưởng của chức năng hiện có trên bãi sông và khu vực lân cận. Các yếu tố KH- KT trong thủy lợi, trong XD.

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC ĐIỂM DC NGOÀI ĐÊ SÔNG HỒNG TỪ CÁCH TIẾP CẬN ĐỊA VĂN HÓA

3.1. Quan điểm- nguyên tắc tổ chức KGKT các ĐDC ngoài đê sông Hồng từ cách tiếp cận ĐVH

3.1.1. Quan điểm

- Quan điểm 1: Phát triển tiếp nối các đặc điểm kiến trúc đã có trong môi trường ĐVH ngoài đê sông Hồng.
- Quan điểm 2: Giải pháp trong tổ chức KGKT các điểm DC đáp ứng phát triển bền vững theo định hướng từ cách tiếp cận ĐVH.
- Quan điểm 3: Khai thác các lợi thế về vị trí phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển sông Hồng.

3.1.2. Nguyên tắc

- Nguyên tắc 1: Phát huy các đặc điểm của yếu tố ĐVH các khu vực trong tổ chức kiến trúc và cảnh quan.
- Nguyên tắc 2: Chinh trang KGKT các điểm DC hiện hữu trên bãi sông.
- Nguyên tắc 3: Phát triển điểm DC với các ngành nghề phù hợp để khai thác được các ưu thế của bãi sông về văn hóa, lịch sử và đặc thù về môi trường.
- Nguyên tắc 4: Phù hợp với cấu trúc đê, bãi sông và dòng chảy sông Hồng.
- Nguyên tắc 5: Tạo dựng môi trường và không gian xanh cho kiến trúc cảnh quan 2 bên bờ sông Hồng.
- Nguyên tắc 6: Thích ứng linh hoạt với đặc tính của sông Hồng, điều kiện biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng.

3.1.3. Các định hướng chung cho giải pháp

- Các định hướng chung cho giải pháp kiến trúc điểm DC: Tổ chức giao thông tuân thủ Quy chuẩn và Quy định, khuyến khích sử dụng các vật liệu địa phương, cây xanh, mặt nước khai thác và kế thừa đặc điểm của kiến trúc khu vực

| Khu vực | Chức năng ô đất | Các chỉ tiêu | | |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|
| | | Diện tích ô đất (m ²) | Mật độ xây dựng (%) | Chiều cao tối đa (m) |
| Khu vực đô thị và phát triển đô thị | Ở | 125 | 50 - 60 | 12 |
| | Ở cao cấp | 500 | 30 - 40 | 12 |
| | Ở + chức năng khác | 250 | 40 - 50 | 12 |
| Khu vực nông thôn | Ở | 250 | 40 - 50 | 12 |
| | Ở + chức năng khác | 250 | 50 - 60 | 12 |

Chỉ tiêu ô đất xây dựng nhà ở và các chức năng

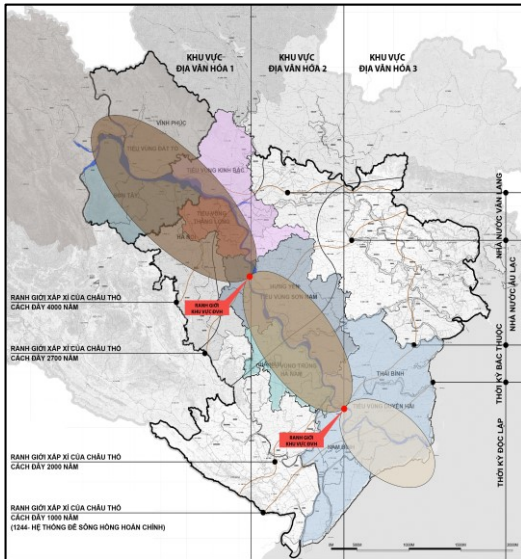
- Định hướng về kiến trúc công trình CC, TN- TG: Hướng ra sông, đầm, hồ tự nhiên, bố cục tổng thể theo chữ Đinh, chữ Công, sử dụng các vật liệu hiện đại thân thiện với môi trường. Sử dụng giải pháp kết cấu mới, vật liệu hiện đại, các

hình thức cấu kiện, liên kết cần cách điệu và mô phỏng cấu trúc kết cấu truyền thống, màu sắc sử dụng màu sắc đặc trưng của kiến trúc truyền thống, có giải pháp kết hợp màu sắc với hình thức xây dựng, vật liệu để tăng tính hấp dẫn cho các công trình đặc thù. Sử dụng các motif trang trí truyền thống đặc trưng của yếu tố ĐVH có cách điệu cho phù hợp.

- Định hướng về kiến trúc cho tổ chức KGKT khuôn viên hộ gia đình và cấu trúc ngôi nhà chính: Đề xuất chỉ tiêu ô đất xây dựng nhà ở dựa trên các văn bản quy định hiện hành, ô đất có diện tích 125m²- 500m², chiều cao công trình ≤ 12m (để không lấn át cây xanh), chỉ tiêu xây dựng trong ô đất tùy thuộc chức năng trong khuôn viên và loại ĐDC nhưng không vượt quá 60% diện tích khu đất. KGKT khuôn viên hộ gia đình có cấu trúc thoáng, cây xanh theo tầng bậc tạo không gian chuyển tiếp từ đường vào nhà, có không gian mặt nước trong khuôn viên theo đặc trưng khu vực. Bố cục công trình chính phụ theo hình “thước thợ”, tách rời để tăng diện tiếp xúc với môi trường tự nhiên. Khoảng cách từ nhà ra đến mặt đường giao thông chính là 3m và giao thông nhánh là 5m, hình thức kiến trúc của ngôi nhà chính phù hợp với đặc điểm của yếu tố ĐVH.

- Định hướng về kiến trúc các công trình phụ vụ SX: Cách ly 50m hoặc dải cây xanh dày 20m với cánh đồng canh tác. Hình thức kiến trúc theo định hướng như đối với công trình công cộng và phù hợp với các trang thiết bị phụ vụ SX.

3.2. Các khu vực ĐVH ngoài đô sông Hồng và đặc điểm kiến trúc điểm DCTT trong mỗi khu vực



Các khu vực ĐVH ngoài đê sông Hồng

3.2.1. Phân chia khu vực điểm DC ngoài đê sông Hồng theo đặc trưng ĐVH

Từ 3 yếu tố cơ bản của môi trường ĐVH (điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hóa) xây dựng tiêu chí phân vùng ĐVH và đề xuất 03 khu vực ĐVH ngoài đê sông Hồng:

- Khu vực ĐVH1: Từ Km số 0 của đê tả ngạn sông Hồng (cầu Việt Trì) và đê hữu ngạn sông Hồng (cầu Trung Hà), đến đến khoảng Km 95 đê tả ngạn sông Hồng xã Tứ Dân-

huyện Khoái Châu- Hưng Yên.

- Khu vực ĐVH2: Từ khoảng Km 95 đê tả ngạn sông Hồng thuộc xã Tứ Dân- huyện Khoái Châu- Hưng Yên đến khoảng Km 165 đê tả ngạn sông Hồng thuộc xã Bách Thuận- huyện Vũ Thư- Thái Bình.
- Khu vực ĐVH3: Từ khoảng Km 165 đê tả ngạn sông Hồng thuộc xã Bách Thuận- huyện Vũ Thư- Thái Bình đến khoảng Km 200+2 thuộc xã Nam Bình- huyện Kiến Xương- Thái Bình và bên đê hữu ngạn đến khoảng Km 219 thuộc xã Giao Hương- Giao Thủy- Nam Định.

3.2.2. Nhận diện đặc điểm kiến trúc điểm DCTT trong khu vực ĐVH

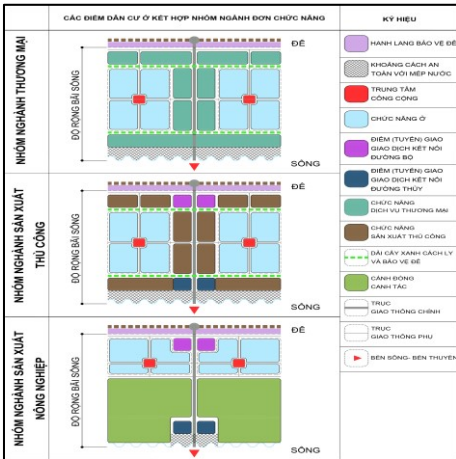
- Từ các đặc điểm về môi trường tự nhiên bãi sông, môi trường văn hóa và môi trường sản xuất, xây dựng hệ thống tiêu chí nhận diện đặc điểm kiến trúc các điểm DCTT trong khu vực ĐVH. Các đặc điểm bao gồm quy hoạch giao thông, kiến trúc cảnh quan, kiến trúc công trình CC, TN- TG, tổ chức KGKT khuôn viên và cấu trúc ngôi nhà chính và các giải pháp ứng phó với điều kiện tự nhiên của bãi sông.

| STT | KY HIỆU | CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÁC BIỆT TỪ CÁCH TIẾP CẬN ĐỊA VẤN HÓA | ĐIỂM DẪN CỤ TRUYỀN THÔNG TRONG ĐỀ | ĐIỂM DẪN CỤ TRUYỀN THÔNG NGOÀI ĐỀ |
|-----|---------|--|---|--|
| 1 | | SƠ BỐ CẦU TRỰC | | |
| 2 | | SỐ LƯỢNG TRỰC GIAO THÔNG CHÍNH | 1 TRỰC | NHIỀU TRỰC |
| 3 | | ĐẶC ĐIỂM CẦU TRỰC ĐIỂM DẪN CỤ | CẦU TRỰC "TRÒNG" | CẦU TRỰC "MỜ" |
| 4 | | HƯỚNG PHÁT TRIỂN | 1 DANG (KHOẢNG DÀI TRỰC GIAO THÔNG CHÍNH) | ĐA DANG (THEO BIA HÌNH, CẦU TRỰC BẢY SÔNG) |
| 5 | | KHÔNG GIẢN MẶT NƯỚC | PHÂN TÁN THÀNH NHIỀU KHÔNG GIẢN ĐỘC LẬP | LIÊN THÔNG THÀNH MẢNG LƯỢT |
| 6 | | HƯỚNG CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TN (NGƯỜI ĐÓNG, TÒN GIÁO) | HỒ NƯỚC - BÈ CÀNH | HƯỚNG RA SÔNG, ĐÀM, HỒ |
| 7 | | KHÔNG GIẢN CHẾM CỤ TRỤ ĐẾN KHÔNG GIẢN CẠNH TÁC | NHỎ - KHÔNG THAY ĐỔI | LỚN - THAY ĐỔI NHIỀU THEO MỨC NƯỚC |
| 8 | | CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ SX NGHỀ KHÁC VỚI | ÍT - ĐƠN CHỨC NĂNG | NHIỀU - ĐA CHỨC NĂNG |
| 9 | | HƯỚNG QUAY HOẠCH KHUÔN VIÊN | HƯỚNG ĐỒNG VỚI TRỰC GIAO THÔNG | HƯỚNG MỠ VỚI TRỰC GIAO THÔNG |
| 10 | | CỤM CÔNG TRÌNH CHÍNH TRONG KHUÔN VIÊN | NHÀ CHÍNH - BẾP - KHO - CHỖNG SÀ GIÁC, DƯ CẦM | NHÀ CHÍNH - BẾP - KHO |
| 11 | | HƯỚNG NHÀ CHÍNH | HƯỚNG VÀO TRONG KHÔNG QUAY RA ĐƯỜNG | HƯỚNG QUAY RA ĐƯỜNG |
| 12 | | HỆ KẾT CẤU NHÀ CHÍNH | KHÔNG CÓ GIẢI PHÁP THÊM TÀI TRỌNG | CÓ GIẢI PHÁP THÊM TÀI TRỌNG |
| 13 | | CÁC GIẢI PHÁP UNG PHÓ VỚI NƯỚC LŨ | KHÔNG GIẢI PHÁP | CÓ GIẢI PHÁP |

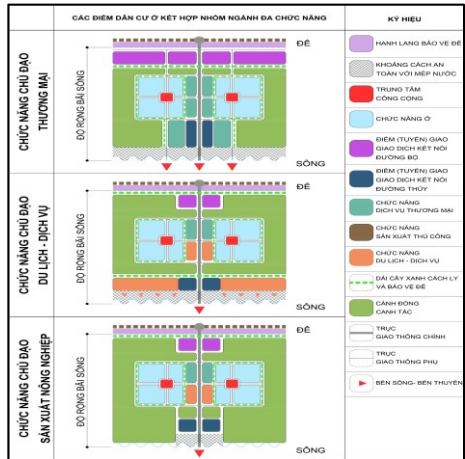
So sánh cấu trúc điểm DC trong đề và ngoài đề từ cách tiếp cận ĐVH

3.2.3. Các thành phần chức năng trong điểm DC

Bao gồm các thành phần cơ bản: Giao thông, cây xanh- mặt nước, công trình công cộng, công trình phụ vụ TN- TG, chức năng ở, chức năng phục vụ SX- dịch vụ thương mại (trong và ngoài khuôn viên). Đề xuất 02 mô hình điểm DC trên cơ sở kết hợp các chức năng.



Giải pháp tổ chức điểm DC chức năng ở kết hợp nhóm ngành đơn chức năng



Giải pháp tổ chức điểm DC chức năng ở kết hợp nhóm ngành đa chức năng

- Điểm DC chức năng ở kết hợp nhóm ngành đơn chức năng: Chức năng thương mại, SX thủ công, sản xuất nông nghiệp.
- Điểm DC chức năng ở kết hợp nhóm ngành đa chức năng (có chức năng chủ đạo): Chức năng chủ đạo thương mại, chức năng chủ đạo du lịch- dịch vụ, chức năng chủ đạo SXNN.
- Các thành phần chức năng cơ bản của điểm DC theo khu vực ĐVH: Các nhóm chức năng trong điểm DC: Dựa trên các đề xuất tổ chức không gian chức năng của điểm DC, luận án đề xuất lựa chọn các công trình kiến trúc cơ bản trong các chức năng để đưa ra

các giải pháp kiến trúc phù hợp với yếu tố ĐVH trong từng khu vực.

| CÁC THÀNH PHẦN KIẾN TRÚC CƠ BẢN CỦA ĐIỂM DẤU CỤ | CÁC THÀNH PHẦN CHỨC NĂNG TRONG ĐIỂM DẤU CỤ | CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC TRONG CÁC CHỨC NĂNG | KHU VỰC ĐVH | | |
|---|--|--|---------------|---------------|---------------|
| | | | KHU VỰC ĐVH.1 | KHU VỰC ĐVH.2 | KHU VỰC ĐVH.3 |
| CÁC THÀNH PHẦN KIẾN TRÚC CƠ BẢN CỦA ĐIỂM DẤU CỤ | CHỨC NĂNG GIAO THÔNG CẢNH QUAN | 1. CÔNG TRÌNH CẢNH QUAN | ● | ● | ● |
| | | 1.1. CẦU QUÁ MẠC - ĐƯỜNG LÁNH NHƯC | ● | ● | ● |
| | | 1.2. CÔNG TRÌNH CẢNH QUAN | ● | ● | ● |
| | | 1.3. CÔNG TRÌNH NHÀ Ở | ● | ● | ● |
| | | 1.4. CÔNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG | ● | ● | ● |
| | | 1.5. NHÀ THỜ CHỨA | ● | ● | ● |
| | 2. CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG | ● | ● | ● | |
| | 2.1. CẤP SẠCH THÔNG ĐƯỜNG | ● | ● | ● | |
| | 2.2. CẤP SẠCH THÔNG TỈNH ĐƯỜNG | ● | ● | ● | |
| | 2.3. MẠT SẠCH THÔNG ĐIỂM DẤU CỤ | ● | ● | ● | |
| 3. CÔNG TRÌNH VĂN HÓA | ● | ● | ● | | |
| 3.1. CÔNG TRÌNH VĂN HÓA | ● | ● | ● | | |
| 3.2. HỆ THỐNG KINH THƯƠNG (KINH DOANH) | ● | ● | ● | | |
| CHỨC NĂNG CÔNG CỘNG TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO | 4. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG | ● | ● | ● | |
| | 4.1. CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - DẠY HỌC | ● | ● | ● | |
| | 4.2. CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HÓA | ● | ● | ● | |
| | 4.3. CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG | ● | ● | ● | |
| | 5. NHÀ THỜ | ● | ● | ● | |
| | 6. CÔNG TRÌNH TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO | ● | ● | ● | |
| 6.1. NHÀ THỜ PHẬT | ● | ● | ● | | |
| 6.2. NHÀ THỜ KHÁC | ● | ● | ● | | |
| CHỨC NĂNG Ở | 7. CÁC THÀNH PHẦN KIẾN TRÚC KHU VỰC | ● | ● | ● | |
| | 7.1. CÔNG TRÌNH | ● | ● | ● | |
| | 7.2. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 7.3. CẤP SẠCH THÔNG ĐIỂM DẤU CỤ | ● | ● | ● | |
| | 7.4. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 7.5. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 8. CÁC CÔNG TRÌNH THÔNG CỘNG | ● | ● | ● | |
| | 8.1. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 8.2. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 8.3. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| CHỨC NĂNG NHÓM NGÀNH | 9. NHÀ Ở KHU VỰC | ● | ● | ● | |
| | 9.1. CÔNG TRÌNH | ● | ● | ● | |
| | 9.2. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 9.3. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 9.4. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |
| | 9.5. NHÀ Ở | ● | ● | ● | |

Các thành phần chức năng cơ bản của điểm DC theo khu vực ĐVH

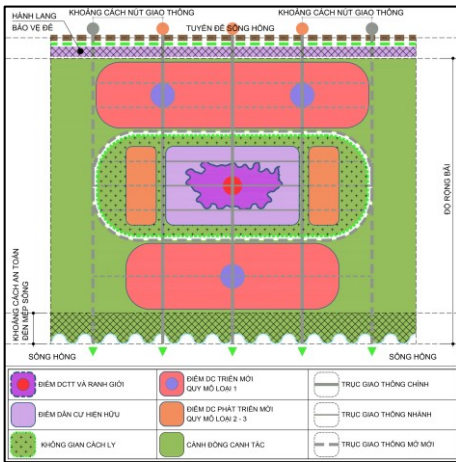
Các công trình đó được phân chia trong các nhóm chức năng điểm DC bao gồm: Chức năng cảnh quan, chức năng công cộng, tín ngưỡng- tôn giáo, chức năng ở, chức năng nhóm ngành. Trong các nhóm chức năng này có các công trình kiến trúc cơ bản hình thành nên bản sắc của kiến trúc khu vực, do vậy cấu trúc của nó cần biểu đạt được những giá trị đặc trưng của yếu tố ĐVH khu vực mà điểm DC được xây dựng.

3.3. Đề xuất giải pháp kiến trúc cho điểm DC hiện hữu trên bãi sông từ cách tiếp cận ĐVH

3.3.1. Không gian tổ chức các dạng

điểm DC trên bãi sông

- Không gian điểm DC hiện hữu: Bao gồm điểm DCTT và điểm DC phát triển tự phát: Trong không gian này cần khoanh vùng ranh giới cụ thể của điểm DCTT để có giải pháp chỉnh trang KGKT cho các điểm DCTT, cải tạo KGKT các điểm DC tự phát để gìn giữ và phát huy các đặc điểm ĐVH của khu vực.
- Không gian đậm: Có chức năng là không gian liên kết điểm DC hiện hữu với điểm DC phát triển mới, thành phần trong không gian này chủ yếu là dải cây xanh, mặt nước (với vai trò là không gian cách ly, không gian cảnh quan), cánh đồng canh tác với mô hình truyền thống cho điểm DC hiện hữu. Trong không gian này cũng có thể quy hoạch các điểm DC có quy mô loại 2- 3 để làm không gian chuyển tiếp về hình thái kiến trúc từ điểm DCTT sang điểm DC có quy mô loại 1.
- Không gian phát triển điểm DC mới: Ngoài không gian đậm để NCXD các điểm DC.
- Không gian canh tác: Là không gian còn lại trên bãi sông để phục vụ chức năng kinh tế của điểm DC với mô hình hiện đại, quy mô lớn (SXNN theo mô hình công nghệ cao...)



Các không gian để tổ chức điểm DC trên bãi sông

KGKT cho các chức năng và mô hình sản xuất kinh tế cụ thể cho khu vực này theo xu hướng bền vững từ cách tiếp cận ĐVH.

- Chinh trang lại các trục giao thông chính của điểm DC (nổi đê – bến sông, các trục giao thông vành đai, giao thông phụ trong điểm DC), các công trình trên trục giao thông (cầu qua mặt nước, quán nghỉ, cửa cống thủy lợi...), trồng cây xanh để khôi phục lại không gian kiến trúc của chức năng này.

- Khôi phục lại cây xanh lớn theo tính chất và hình thức sử dụng cây xanh, dải cây xanh ngăn lũ và bảo vệ đê. Cải tạo, chỉnh trang mặt nước, áp dụng các giải pháp kỹ thuật để cải tạo chất lượng nước, khai thông các tuyến kênh, mương để khôi phục đặc điểm trong KGKT điểm DCTT. Khi xây dựng các điểm DC mới cần khai thác mặt nước vào cảnh quan để hòa nhập vào cảnh quan đặc trưng của khu vực.

- Quy định về diện tích tối thiểu cho khuôn viên khi tách đất và cách chỉ tiêu xây dựng cho khuôn viên tùy theo chức năng các hoạt động trong khuôn viên.

- Hình thức cổng, hàng rào, cây xanh, quy hoạch tổng mặt bằng khuôn viên, chú ý các công trình đặc trưng của khu vực (cầu qua kênh nước...).

- Duy trì khuôn viên truyền thống vườn- ao- chuồng theo mô hình VAC để mỗi khuôn viên hộ gia đình là một đơn vị cân bằng sinh thái khép kín.

- Phát triển các mô hình kinh tế theo xu hướng “xanh – bền vững” trong khuôn viên như du lịch, sản xuất, giới thiệu sản phẩm theo mô hình truyền thống, quy mô nhỏ phù hợp

- Các không gian quy hoạch thủy lợi:
Gồm hành lang bảo vệ đê, khoảng cách an toàn đến mép sông.

3.3.2. Giải pháp kiến trúc cho điểm DCTT

Khoanh vùng khu vực trên cơ sở khảo sát về số lượng nhà truyền thống giai đoạn trước 1954 (làm khu vực trung tâm), các ngôi nhà xây dựng từ 1954 – 1986 (làm khu vực vành đai) cùng với các CTCC, TN- TG truyền thống để có giải pháp quy hoạch và kiến trúc phù hợp. Tổ chức

diện tích và tính chất của điểm DCTT.

- Giữ gìn, bảo tồn các ngôi nhà truyền thống (trước năm 1954), cải tạo ngôi nhà được xây dựng trong giai đoạn 1954- 1986 với kiểu kiến trúc “hiền Tây” thì nên cải tạo sửa chữa tu bổ lại hình thức kiến trúc không coi nói và xây dựng thêm.

3.3.3. Giải pháp kiến trúc cho ĐDC tự phát

Thống kê, di dời các hộ dân nằm trong quy hoạch thủy lợi để tái định cư, xây dựng chỉ tiêu ô đất xây dựng khi có nhu cầu phân chia và tách ô đất (dựa trên các Quyết định của địa phương có điều chỉnh để phù hợp với các vị trí cụ thể), đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chính trang lại các trục giao thông sát với gianh giới điểm DCTT, kích thước đảm bảo cho các loại phương tiện hoạt động, đồng bộ về chiếu sáng và hạ tầng kỹ thuật, duy tu các hệ thống kênh nước theo đặc trưng vùng ĐVH. Phát triển cây xanh theo các trục giao thông, kết hợp cây xanh với bãi đỗ xe, bến thuyền, cải tạo khuôn viên các CTCC đã có để tăng không gian xanh cho khu vực, quy định thống nhất về bảng, biển quảng cáo, mái hiên cho các tuyến hoạt động thương mại, dịch vụ.

- Khoanh vùng bảo tồn các công trình TN-TN truyền thống, cải tạo cảnh quan trong khuôn viên các CTCC hiện có, nếu cần có thể di dời sang vị trí mới để đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

- Cải tạo chỉnh trang KGKT khuôn viên, tạo tầng bậc cây xanh từ ngoài vào nhà, tuân thủ khoảng lùi từ đường vào nhà và với gianh giới khu đất. Di dời các công trình vi phạm vào không gian bảo tồn của các công trình TN- TG, cải tạo kiến trúc mặt đứng để phù hợp với cảnh quan của khu vực. Có giải pháp kiến trúc để tích hợp với hệ thống TTBKT của công trình để không làm lộ các hệ thống này ra ngoài.

3.3.4. Giải pháp kiến trúc cho điểm DC phát triển mới

• **Điểm DC quy mô loại 3:** Quy hoạch trong không gian đệm, cách ly từ điểm DC hiện hữu với các điểm DC phát triển mới, mô hình là cụm nhà với chức năng ở và hoạt động sản xuất trong khuôn viên ở quy mô nhỏ, các cơ sở hạ tầng dùng chung với điểm DC hiện hữu. Các giải pháp kiến trúc cho chức năng ở các điểm DC theo các đề xuất điểm DC quy mô loại 1 của khu vực ĐVH.

• **Điểm DC quy mô loại 2:** Các điểm DC này về chức năng chủ yếu là ở, sử dụng các công trình hạ tầng hiện có hoặc ở điểm DC mới nên cần chú ý đến khoảng cách. Tổ chức

giao thông đồng bộ và hoàn chỉnh, tổ chức các bãi đỗ xe, bến thuyền kết hợp cây xanh cảnh quan. Không gian cây xanh kết hợp với công trình tín ngưỡng truyền thống, công cộng để làm hạt nhân cho khu ở, khai thác các yếu tố mặt nước tự nhiên, nhân tạo và các công trình đặc trưng của khu vực vào trong kiến trúc cảnh quan. Các công trình CC trung tâm đảm bảo quy mô theo quy định, bố trí ở những vị trí thuận lợi cho tiếp cận và hoạt động. Các giải pháp kiến trúc cho chức năng ở các điểm DC theo các đề xuất điểm DC quy mô loại 1 của khu vực ĐVH.

| Loại quy mô điểm DC | Chức năng ô đất | Các chỉ tiêu | | |
|-----------------------|---|-----------------------------------|---------------------|----------------------|
| | | Diện tích ô đất (m ²) | Mật độ xây dựng (%) | Chiều cao tối đa (m) |
| Điểm DC quy mô loại 1 | Ô (15m x 16,5m) | 250 | 50 - 60 | 12 |
| | Ô cao cấp (20m x 25m) | 500 | 40 - 50 | 12 |
| | Ô + SX trong khuôn viên (DL- DV; SXTC; SXNNTT; SXNNCNC) (15m x 16,5m) | 250 | ≤ 70 | 12 |
| | Ô + TM (7,5m x 16,5m) | 125 | ≤ 50 | 12 |
| Điểm DC quy mô loại 2 | Ô (7,5m x 16,5m) | 125 | ≤ 50 | |
| | Ô + SX trong khuôn viên (DL- DV; SXTC; SXNNTT; SXNNCNC) (15m x 16,5m) | 250 | ≤ 70 | 12 |
| | Ô + TM (7,5m x 16,5m) | 125 | ≤ 50 | |
| Điểm DC quy mô loại 3 | Ô (7,5m x 16,5m) | 125 | ≤ 50 | 12 |
| | Ô + SX trong khuôn viên (DL- DV; SXTC; SXNNTT; SXNNCNC) (15m x 16,5m) | 250 | ≤ 70 | 12 |
| | Ô + TM (7,5m x 16,5m) | 125 | ≤ 50 | 12 |

| TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC NHÀ CHÍNH - PHỤ (ĐẤT 20 M X 16,5 M) | TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC NHÀ CHÍNH - PHỤ (ĐẤT 20 M X 16,5 M) | TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC NHÀ CHÍNH - PHỤ (ĐẤT 20 M X 16,5 M) |
|--|--|--|
| | | |
| CHỨC NĂNG Ở | CHỨC NĂNG Ở + SẢN XUẤT THỦ CÔNG | CHỨC NĂNG Ở + SXNN TRUYỀN THỐNG |
| TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC NHÀ CHÍNH - PHỤ (ĐẤT 20 M X 16,5 M) | TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC NHÀ CHÍNH - PHỤ (ĐẤT 20 M X 16,5 M) | TỔ CHỨC KHUỐN VIÊN VÀ BẾ DỤC CÔNG TRƯỜNG (ĐẤT 20 M X 16,5 M) |
| | | |
| CHỨC NĂNG Ở + SXNN CÔNG NGHỆ CAO | CHỨC NĂNG Ở + DU LỊCH - DỊCH VỤ | CHỨC NĂNG Ở + THƯƠNG MẠI |
| CÁC YẾU CHỨC NĂNG | | |

Chi tiêu ô đất ở tối thiểu trong điểm DC loại 1

Tổ chức KGKT khuôn viên hộ gia đình điểm DC loại 1

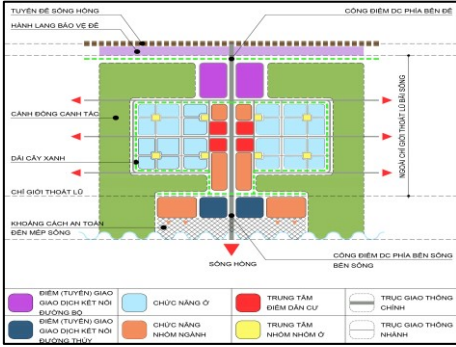
• **Điểm DC quy mô loại 1:** Đây là điểm DC có quy mô tương đối hoàn chỉnh về hạ tầng (không gian ở với các chức năng trong khuôn viên, các công trình chức năng trong trung tâm...). Trên cơ sở đặc điểm địa hình của bãi sông và trên cơ sở kế thừa và phát huy các đặc điểm kiến trúc trong các khu vực ĐVH, luận án đề xuất:

- Giải pháp kiến trúc tổng thể cho: Kiến trúc cảnh quan, kiến trúc công trình CC, TN-TG, các công trình phụ trợ sản xuất ngoài khuôn viên (trong các bảng tổng hợp các giải pháp kiến trúc).

- Giải pháp kiến trúc không gian ở: Đề xuất chi tiêu ô đất ở, giải pháp tổ chức KGKT khuôn viên hộ gia đình (nhà ở và các công trình phụ trợ sản xuất, cây xanh, mặt nước trong khuôn viên). Đề xuất phương án kiến trúc ngôi nhà chính (không gian chức năng

và hình thức kiến trúc ngôi nhà).

- Khu vực ĐVH 1:

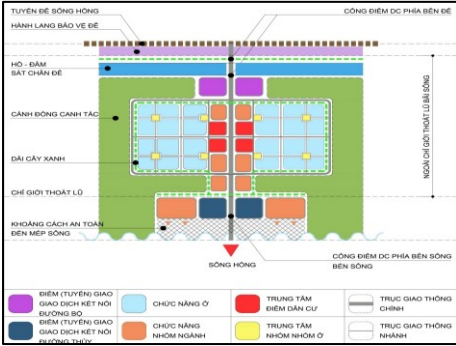


Tổ chức điểm DC trên bãi sông

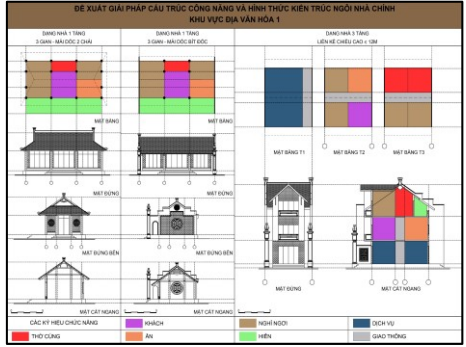
| TÊN CÔNG TRÌNH | MẪN TRỤC ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TẦNG ĐÁI VẠN HÒA 1, NHÓM CHỨC NĂNG CẢNH QUAN, NHÓM CHỨC NĂNG CÔNG CỘNG - TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO | | | | | | | | | |
|----------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | ● | | | | | | | | | |
| 2 | | ● | | | | | | | | |
| 3 | | | ● | | | | | | | |
| 4 | | | | ● | | | | | | |
| 5 | | | | | ● | | | | | |
| 6 | | | | | | ● | | | | |
| 7 | | | | | | | ● | | | |
| 8 | | | | | | | | ● | | |
| 9 | | | | | | | | | ● | |
| 10 | | | | | | | | | | ● |

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng cảnh quan, công cộng - tín ngưỡng, tôn giáo

- Khu vực ĐVH 2:



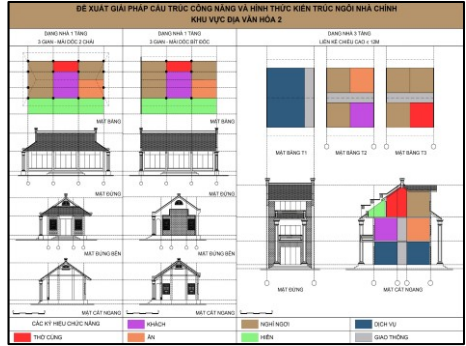
Tổ chức điểm DC trên bãi sông



Đề xuất phương án kiến trúc ngôi nhà chính

| TÊN CÔNG TRÌNH | MẪN TRỤC ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TẦNG ĐÁI VẠN HÒA 2, NHÓM CHỨC NĂNG 0 - CÔNG BẢNG NHÓM BISHAN | | | | | | | | | |
|----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | ● | | | | | | | | | |
| 2 | | ● | | | | | | | | |
| 3 | | | ● | | | | | | | |
| 4 | | | | ● | | | | | | |
| 5 | | | | | ● | | | | | |
| 6 | | | | | | ● | | | | |
| 7 | | | | | | | ● | | | |
| 8 | | | | | | | | ● | | |
| 9 | | | | | | | | | ● | |
| 10 | | | | | | | | | | ● |

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng ở và chức năng nhóm ngành phục vụ SX



Đề xuất phương án kiến trúc ngôi nhà chính

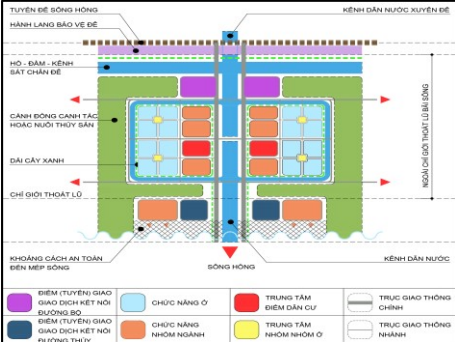
KẾ THẠCH ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TÊN VÙNG ĐÀ VÂN HÒA 4 - NHÓM CHỨC NĂNG CẢNH QUAN - NHÓM CHỨC NĂNG CÔNG CỘNG - TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng cảnh quan, công cộng - tín ngưỡng, tôn giáo

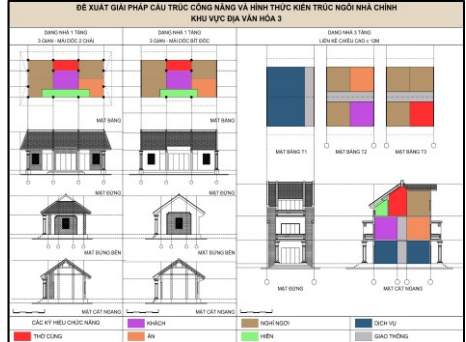
KẾ THẠCH ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TÊN VÙNG ĐÀ VÂN HÒA 3 - NHÓM CHỨC NĂNG Ở - CHỨC NĂNG NHÓM NGÀNH

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng ở và chức năng nhóm ngành phục vụ SX

- Khu vực ĐVH 3:



Tổ chức điểm DC trên bãi sông



Đề xuất phương án kiến trúc ngôi nhà chính

KẾ THẠCH ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TÊN VÙNG ĐÀ VÂN HÒA 4 - NHÓM CHỨC NĂNG CẢNH QUAN - NHÓM CHỨC NĂNG CÔNG CỘNG - TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng cảnh quan, công cộng - tín ngưỡng, tôn giáo

KẾ THẠCH ĐIỂM ĐÁM CỤ MỘT TÊN VÙNG ĐÀ VÂN HÒA 4 - NHÓM CHỨC NĂNG Ở - CHỨC NĂNG NHÓM NGÀNH

Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các công trình nhóm chức năng ở và chức năng nhóm ngành phục vụ SX

• Các giải pháp đề xuất khác: Do khu vực nghiên cứu có tính đặc thù cao, chịu tác động của nước lũ sông Hồng nên ngoài các giải pháp đề xuất cần có những giải pháp để có thể giúp cho các công trình thích nghi như: Giải pháp về nhà trên cột, nhà trên phao nổi, giải

pháp về vật liệu lắp ghép.

3.4. Bàn luận kết quả nghiên cứu

- Về phương pháp nghiên cứu kiến trúc từ cách tiếp cận ĐVH: Phương pháp nghiên cứu kiến trúc từ cách tiếp cận ĐVH là đặt kiến trúc vào không gian của mối tương tác giữ điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hóa của khu vực để làm nổi bật các đặc điểm của kiến trúc. Như vậy có thể áp dụng vào nghiên cứu kiến trúc ở nhiều khu vực khác nhau nhất là các khu vực có điều kiện đặc thù.
- Phân chia khu vực ĐVH và xác định các đặc điểm kiến trúc của điểm DCTT: Hệ thống tiêu chí đề xuất mang tính tổng quan và phổ quát cao, có thể thay đổi cho việc xác định khu vực ĐVH và đặc điểm kiến trúc ở các khu vực ngoài đê sông ĐBBS.
- Tính toán quy mô các điểm DC khu vực ngoài đê sông Hồng: Là khu vực phát triển có kiểm soát, việc xác định quy mô cho các điểm DC phát triển trên bãi sông là điều cần thiết, tính định lượng và thực tiễn cao, phù hợp với cơ sở pháp lý, giúp cho việc xây dựng cấu trúc chức năng trong các điểm DC để có giải pháp quy hoạch và kiến trúc phù hợp.
- Đề xuất mô hình chức năng, mô hình quy hoạch các điểm DC trên các bãi sông từ cách tiếp cận ĐVH: Đề xuất mô hình có tính tổng quát cao, đa dạng trước những yêu cầu của từng khu vực, từng tính chất của điểm DC.
- Đề xuất giải pháp kiến trúc cho các điểm DC từ cách tiếp cận ĐVH: Gắn công trình kiến trúc cơ bản vào chức năng của điểm DC, dựa trên mức độ xuất hiện các công trình từ chức năng điểm DCTT mỗi khu vực, đề xuất giải pháp kiến trúc có tính nguyên tắc và khả thi: bảo tồn giá trị kiến trúc (điểm DCTT)- kế thừa các giá trị kiến trúc (điểm DC hiện hữu)- phát triển các giá trị kiến trúc (điểm DC mới).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận: Luận án đã hoàn thành đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu và đạt được những kết quả đáp ứng được nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra bao gồm:

- Luận án đề xuất 03 quan điểm và 06 nguyên tắc trong tổ chức KGKT là định hướng cho việc khai thác và phát huy các đặc điểm kiến trúc của yếu tố ĐVH cho các điểm DC khu vực ngoài đê sông Hồng.
- Đề xuất phân chia 03 khu vực điểm DC ngoài đê sông Hồng dựa trên các đặc trưng của ĐVH.
- Tính toán, xây dựng 03 quy mô cho điểm DC trên các bãi sông được phép NCXD

trong Quyết định 257/TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Đề xuất 02 mô hình chức năng cho và 06 giải pháp tổ chức tổ chức điểm DC cho 2 mô hình chức năng đó.
- Đề xuất các giải pháp kiến trúc có tính nguyên tắc cho việc cải tạo, chỉnh trang các điểm DC hiện hữu phù hợp với đặc điểm ĐVH khu vực.
- Đề xuất giải pháp kiến trúc có tính định hướng cho tổ chức giao thông, kiến trúc cảnh quan và các công trình công cộng, công trình phục vụ tín ngưỡng- tôn giáo cho các điểm DC phát triển mới.
- Đề xuất 06 giải pháp tổ chức KGKT khuôn viên hộ gia đình và 09 phương án kiến trúc cho ngôi nhà chính trong khuôn viên cho 03 khu vực ĐVH trên cơ sở kế thừa và phát huy các đặc điểm kiến trúc của khu vực.

Kiến nghị: Đề các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế và phát huy hiệu quả luận án kiến nghị:

- Bộ NN &PTNT, Cục quản lý Đê điều cần phải có quy định cụ thể về quy hoạch thủy lợi, cắm mốc xác định các khu vực trên bãi sông, Bộ Xây dựng, các Ngành chức năng cần tiến hành tổng điều tra về tình hình phát triển kiến trúc khu vực ngoài đê sông Hồng, đưa ra cơ sở dữ liệu về cấu trúc không gian điểm DCTT, bộ tiêu chuẩn thiết kế nhà ở, CTCC cho các khu vực trên cơ sở từ cách tiếp cận ĐVH. Xây dựng một cơ quan chuyên trách để quản lý khu vực ngoài đê sông Hồng với sự tham gia liên ngành trực thuộc cấp liên Bộ để có sự thống nhất và xuyên suốt trong các chính sách, quy định và giám sát các dự án trong khu vực. Tiến hành dự án thực nghiệm nghiên cứu QH- XD trên một bãi sông cụ thể theo các đề xuất của luận án để làm cơ sở tham khảo cho các dự án tương tự trên các bãi sông khu vực ngoài đê sông Hồng.

**DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Hồng Mạnh (2021), “ *Ảnh hưởng của yếu tố Địa văn hóa đến kiến trúc điểm DCTT truyền thống tiểu vùng Hạ châu thổ sông Hồng*”, Tạp chí Khoa học kiến trúc và xây dựng, số 41- **ISSN 1859- 350X**.
2. Lê Hồng Mạnh (2021), “ *Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam từ góc nhìn các điểm DCTT truyền thống ngoài đê sông Hồng khu vực Hà Nội với yếu tố Địa văn hóa*”, Tạp chí Xây dựng, số 49-2021- **ISSN 2734- 9888**.
3. Lê Hồng Mạnh (2023), “ *Thị trấn Tiên Yên dưới góc nhìn Địa văn hóa- Một định hướng cho phát triển quy hoạch, kiến trúc*”, Tạp chí Khoa học Xây dựng và Đô thị, số 88- **ISSN 1859- 3119**.
4. Lê Hồng Mạnh (2023), “ *Kiến trúc thích ứng với môi trường tự nhiên của các điểm DCTT truyền thống ngoài đê sông Hồng dưới góc nhìn Địa văn hóa*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Kiến trúc và quy hoạch bền vững tiếp nối giá trị truyền thống, hướng tới tương lai- Trường ĐH Xây dựng Hà Nội 04/2023, **ISBN: 978-604-472-150-7**.
5. Lê Hồng Mạnh (2023), “ *Tổ chức không gian kiến trúc điểm dân cư mới ngoài đê sông Hồng tiếp cận từ yếu tố Địa văn hóa*”, Tạp chí kiến trúc- Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 9/2023, **ISSN: 0866- 8617**.